



MỐI QUAN HỆ VĂN HOÁ GIAI ĐOẠN HẬU KỶ ĐÁ MỚI GIỮA BẮC VIỆT NAM VÀ NAM TRUNG QUỐC

Trình Năng Chung *

Giống như một quy luật phát triển khá phổ biến trong lịch sử loài người, vào khoảng thời gian từ 5000 đến 3500 năm cách nay, Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc bước vào giai đoạn hậu kỳ đá mới. Theo ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu, giai đoạn hậu kỳ đá mới Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc là một phức hợp thống nhất trong đa dạng văn hoá. Đây cũng là giai đoạn mở đầu cho sự hình thành khối tộc người Bách Việt ở vùng Bắc Việt Nam và vùng Lĩnh Nam Trung Quốc trên cơ sở nền văn hoá chung cổ đại mang đặc tính phương Nam, khác biệt với vùng Hoa Bắc Trung Quốc.

Cho đến nay đã có thể khẳng định mối giao lưu, tiếp xúc văn hoá nhiều chiều giữa khu vực Việt Nam với khu vực Nam Trung Quốc trong bối cảnh thời gian mà ta đang đề cập đến.

Tài liệu khảo cổ học cho thấy, có nhiều văn hoá hậu kỳ đá mới - sơ kỳ kim khí được xác lập ở Bắc Việt Nam. Đó là văn hoá Hà Giang, văn hoá Mai Pha phân bố ở khu vực vùng núi phía Bắc, văn hoá Phùng Nguyên ở miền trung du Việt Nam, văn hoá Hạ Long, văn hoá Bàu Tró phân bố ở đồng bằng ven biển và các đảo ven bờ ở khu vực duyên hải đông bắc và bắc Trung Bộ Việt Nam.

Khi tìm hiểu mối giao lưu giữa các nền văn hoá cùng thời ở khu vực Nam Trung Quốc, chúng ta đã bước đầu nhận thấy mối quan hệ giao lưu giữa hai vùng.

Chúng ta biết rằng, di vật văn hoá đặc trưng của giai đoạn hậu kỳ đá mới vùng ven biển đông nam Trung Quốc là gốm văn in, với những chiếc rìu, bôn đá có vai có nấc và bôn đá có nấc¹. Theo nhiều nhà nghiên cứu, thì vùng biển đông

* Viện Khảo cổ học.

nam Trung Quốc có quan hệ rất chặt chẽ với văn hoá Hạ Long phân bố vùng đồng bằng ven biển và đảo ven bờ vùng vịnh Bái Tử Long và Hạ Long².

Tại khu vực tỉnh Quảng Tây, giai đoạn hậu kỳ đá mới được đặc trưng bởi nền văn hoá xẻng đá lớn phân bố chủ yếu ở vùng Quế Nam³. Trong một số công trình nghiên cứu trước đây, dựa vào sự có mặt của những chiếc rìu 1 vai và những chiếc xẻng đá ở một số địa phương vùng núi phía Bắc, chúng tôi cho rằng có nhiều đợt tiếp xúc nhiều chiều giữa cư dân đá mới vùng Quế Nam với cư dân văn hoá Hạ Long thông qua đường biển, với cư dân Mai Pha thông qua sông Kỳ Cùng, với cư dân văn hoá Hà Giang qua đường sông Bằng, sông Gâm⁴.

Khi tìm hiểu mối quan hệ giữa cư dân đá mới Vân Nam với Bắc Việt Nam, tôi đặc biệt muốn nhấn mạnh đến vai trò của các dòng sông Hồng, sông Đà, sông Lô, sông Gâm - những dòng sông có khởi nguồn từ Vân Nam Trung Quốc. Đúng như một số nhà địa lý từng nói ở Đông Nam Á, lục địa có ý nghĩa chia cắt, sông nước có ý nghĩa nối liền. Với ý tưởng như vậy, tôi muốn khuôn phạm vi nghiên cứu vào nền văn hoá Hà Giang, văn hoá Phùng Nguyên và các di tích đá mới vùng tây bắc Việt Nam. Đó là những di tích phân bố chủ yếu dọc theo những dòng sông như đã nêu trên.

1. Văn hoá Hà Giang có địa bàn phân bố rộng từ Cao Bằng, Hà Giang, xuống Tuyên Quang, Bắc Thái. Đặc trưng di vật đá chủ yếu là rìu bôn, cuốc có vai. Loại không vai chiếm tỷ lệ nhỏ. Loại công cụ đặc trưng là bôn có nắp kiểu Hạ Long và kiểu Cao Bằng. Những mảnh vòng đá Hà Giang nói lên kỹ thuật khoan tách lõi rất phổ biến. Ở đây cũng có bàn đập khắc rãnh bằng đá. Đồ gốm với văn thừng là phổ biến, văn khắc vạch ít, có cả hoa văn chấm giữa đường vạch giống Phùng Nguyên.

Bằng phương pháp so sánh những đặc trưng cơ bản của văn hoá Hà Giang với 11 loại hình văn hoá đá mới Vân Nam, chúng tôi muốn làm rõ mối tương quan giữa các văn hoá nói trên. Trước hết cần ghi nhận là Hà Giang không có dao đá hình chữ nhật hoặc hình bán nguyệt có xuyên lỗ, cũng như đồ gốm màu vàng chanh khá phổ biến ở Diên Tây.

Theo các tài liệu hiện biết, trong số 11 loại hình văn hoá Vân Nam có 6 loại hình là Hạp Tâm Trường, Hải Đăng Thôn, Thạch Trại Sơn, Man Rạng, Nập Mang Hoài, Tiểu Hà Động có chứa rìu có vai, rìu bôn có vai có nắp. Hầu hết các di tích nằm về phía tây nam và đông nam Vân Nam.

Ở di chỉ Mang Hoài cũng tìm thấy 1 bàn đập khắc ô vuông giống Hà Giang, những rìu có vai ở Mang Hoài được chế tác từ những viên cuội ghè đẽo khác hẳn Hà Giang.

Rìu đá bôn đá thuộc loại hình Thạch Trại Sơn, Hạp Tâm Trường, Hải Đăng Thôn gần gũi với rìu bôn Hà Giang, nhưng Hà Giang hoàn toàn vắng mặt loại

hình gốm có tai như ở Thạch Trại Sơn, Hạp Tâm Trường hoặc không có loại gốm có vòi như ở Hải Đông Thôn.

Tôi hoàn toàn đồng ý với GS. Hà Văn Tấn khi ông cho rằng trong số các di tích đá mới ở Vân Nam thì di chỉ hang Tiểu Hà ở huyện Ma Lạt Pha là có bộ di vật gần gũi với Hà Giang hơn cả. Trong hang này đã tìm thấy rìu bôn có vai, bôn vai lệch và bôn có vai có nấc như ở Hà Giang. Ở di chỉ Tiểu Hà cũng tìm thấy loại bàn đập bằng đá giống bàn đập Hà Giang. Gốm ở Tiểu Hà cũng là loại gốm thô, màu đỏ, chủ yếu có hoa văn thừng và một số hoa văn khắc vạch. Có lẽ do vị trí gần kề nhau mà có thể ảnh hưởng qua lại giữa hai vùng⁵.

Dấu ấn văn hoá Hà Giang còn tìm thấy ở di chỉ Cẩm Đà Nham, thuộc huyện Nà Pha, Quảng Tây. Tại Cẩm Đà Nham đã tìm thấy bộ sưu tập rìu bôn đá giống Hà Giang. Những chiếc bàn đập khắc rãnh, đặc biệt là hoạ tiết trang trí hoa văn trên gốm Cẩm Đà Nham rất gần gũi gốm Hà Giang. Có thể có khả năng tồn tại một hệ thống văn hoá chung rộng nào đó gồm thâu cả văn hoá Hà Giang, văn hoá Tiểu Hà Động và Cẩm Đà Nham.

2. Cho đến nay, ở vùng núi tây bắc Việt Nam đã có khá nhiều di tích thuộc giai đoạn hậu kỳ đá mới sơ kỳ kim khí lần lượt được phát hiện ở các địa điểm Bản Mòn, Sập Việt, Hang Puốc, Thọc Kim, Pá Mang, Bản Cái, Bản Chộp, Hang Diêm (tỉnh Sơn La); Huổi Ca, Nậm Mạ, Nậm Cha, Nậm Hăn (tỉnh Lai Châu)... Số lượng hiện vật đồ đá thu được khá phong phú, cho phép chúng ta nhìn nhận một cách đầy đủ về văn hoá đá mới ở khu vực này.

Loại di vật đá đặc trưng hậu kỳ đá mới Tây Bắc là loại rìu bôn có hình tứ giác. Rìu bôn có vai rất ít, hầu hết là vai vuông. Chưa tìm thấy rìu bôn có nấc. Đồ trang sức với sự phổ biến của loại hình vòng tay đá có mặt cắt hình tam giác. Tại các công xưởng chế tác đồ đá ở Bản Mòn, Thọc Kim đều phản ánh rõ những đặc trưng của vùng.

Về đồ gốm giai đoạn này ở Tây Bắc có thể lấy gốm ở địa điểm Pá Mang (Sơn La) làm đại diện. Đặc trưng đồ gốm ở đây là đất sét pha cát, xương gốm dày 3 - 4mm, áo gốm màu đỏ gạch hoặc xám đen. Kỹ thuật tạo hình bằng bàn xoay kết hợp bàn đập hòn kê, đồ nung trung bình với sự có mặt của đa số hoa văn thừng, thứ đến là văn khắc vạch, văn đắp nổi ít, xuất hiện đồ đựng có chân đế.

Khi so sánh những đặc trưng văn hoá tiền sử Tây Bắc với khu vực Vân Nam, chúng tôi nhận thấy có sự tương đồng với khu vực Mãnh Lạp thuộc loại hình Man Bạng Nám ở cực tây Vân Nam Trung Quốc. Tại khu vực này các nhà khảo cổ học Trung Quốc đã phát hiện được nhiều rìu tứ giác thân dài mặt cắt ngang hình chữ nhật hoặc hình thang giống với công cụ cùng loại ở Tây Bắc⁶. Ở Mãnh Lạp cũng phát hiện được một số rìu bôn vai vuông cùng những chiếc vòng đá có mặt cắt hình tam giác. Đáng tiếc là tài liệu gốm ở Mãnh Lạp không phong phú để có thể so sánh với gốm Tây Bắc Việt Nam. Nhưng với một số phong cách gần gũi giữa đồ

đá ở hai nơi bước đầu ghi nhận mối quan hệ của những cư dân cổ sinh sống xung quanh dòng sông Đà cổ xưa.

3. Văn hoá Phùng Nguyên phân bố chủ yếu ở đồng bằng trung du Phú Thọ và một phần đồng bằng Bắc Bộ. Niên đại của văn hoá Phùng Nguyên được xếp vào sơ kỳ kim khí. Đặc trưng công cụ đá ở đây là toàn bộ rìu bôn không có vai, có dáng hình thang hay hình chữ nhật với mặt cắt ngang chủ yếu hình chữ nhật. Có hai loại hình rìu bôn to và rìu bôn nhỏ. Trong bộ công cụ đá Phùng Nguyên có nhiều chày đập vỏ cây không có cán. Mũi tên đá Phùng Nguyên có hình lá với hai cạnh dẹt. Ở Phùng Nguyên còn tìm thấy nhiều đồ trang sức như vòng tay, khuyên tai có mặt cắt hình chữ nhật, hình tròn, hình chữ D và vòng tay có đường gờ nổi.

Đồ gốm Phùng Nguyên khá phong phú với các loại hình hũ, nồi, chậu, bát. Có loại gốm đáy bằng có chân đế với các kiểu miệng loe hoặc miệng xiên thẳng. Hoa văn chủ yếu là văn thừng, văn chải, ngoài ra có văn in ô vuông, văn chữ nhật xiên, văn khắc vạch kết hợp với chấm dải, hoa văn hình chữ S nối đuôi nhau và các biến thể của nó, hoa văn hình cánh lá trắc điệp, văn đắp nổi. Ngoài ra còn có chì lưới, dọi xe chỉ và chân chạc bằng gốm⁷. Với sức sống mãnh liệt, văn hoá Phùng Nguyên ngoài mối quan hệ với văn hoá cùng thời ở Bắc Việt Nam còn có mối quan hệ với Hoa Nam, nhất là miền đất Điền cổ đại.

Ở di chỉ Đại Hoa Thạch, huyện Long Lãng, các nhà khảo cổ đã tìm thấy những chiếc rìu hình thang có kích thước rất nhỏ, gần gũi với công cụ cùng loại ở Phùng Nguyên. Cũng giống như Phùng Nguyên, địa điểm này rất hiếm rìu có vai hay bôn có nấc và không phát triển kỹ nghệ xương. Mặc dù vậy, cũng có khác biệt quan trọng, ở Đại Hoa Thạch tìm thấy khá nhiều dao đá hình chữ nhật và hình thang mà ở Phùng Nguyên không có. Và đồ đá ở Đại Hoa Thạch với hoa văn vân tay và móng tay khác hẳn với hoa văn gốm Phùng Nguyên.

Cũng như Đại Hoa Thạch, di chỉ Đại Đôn Tử huyện Nguyên Mưu cũng không có rìu bôn có vai hay có nấc. Di vật văn hoá đặc trưng ở đây là những chiếc rìu hình chữ nhật hoặc hình thang có mặt cắt ngang hình chữ nhật. Mũi tên Đại Đôn Tử khá giống mũi tên Phùng Nguyên. Dọi xe chỉ cả hai nơi đều có hình chóp giống nhau. Điểm khác biệt là Đại Đôn Tử có loại dao đá hình chữ nhật. Trước đây, khi nghiên cứu đồ gốm Đại Đôn Tử, nhà nghiên cứu Nitta Eiji đã chú ý đến sự giống nhau giữa hoa văn gốm lớp trên của di chỉ này với hoa văn gốm Phùng Nguyên⁸. Tuy nhiên, về loại hình đồ gốm ở đây có sự khác biệt rất rõ và đặc biệt ở Phùng Nguyên không có loại gốm màu vàng chanh kiểu Đại Đôn Tử. Dầu sao, sự có mặt của những chiếc rìu bôn hình thang loại nhỏ ở Đại Hoa Thạch và đồ gốm có hoa văn khắc vạch chìm kết hợp chấm dải điểm kiểu Phùng Nguyên ở Đại Đôn Tử cũng cho ta thấy giữa văn hoá Phùng Nguyên và miền đất Vân Nam có mối quan hệ nào đó.

4. Văn hoá Mai Pha là một văn hoá hậu kỳ thời đại đá mới, địa bàn phân bố chủ yếu ở phía đông và đông nam sơn khối đá vôi Bắc Sơn, phần nào trùng với địa bàn phân bố của văn hoá Bắc Sơn. Cho đến nay, số di chỉ có cùng tính chất văn hoá với di chỉ Mai Pha phát hiện được chưa nhiều.

Đặc trưng nổi bật của văn hoá Mai Pha là tổ hợp rìu bôn tứ giác mài nhẵn toàn thân, chủ yếu là kích thước vừa và nhỏ kết hợp với tập hợp gốm văn thừng tô màu, chất liệu pha vỏ nhuyễn thể, sạn sỏi và bã thực vật nghiền nhỏ. Điểm độc đáo nhất trong trang trí hoa văn gốm Mai Pha đó là khắc vạch motif hoa thị, kết hợp trở lổ. Chính đồ gốm tạo ra bản sắc độc đáo nhất của văn hoá Mai Pha. Nền kinh tế của cư dân Mai Pha là một nền kinh tế hỗn hợp bao gồm săn bắt, hái lượm, thủ công nghiệp, trao đổi và làm nông⁹.

Trước đây, tại khu vực đảo Lamma Hồng Kông, Trung Quốc, các nhà khảo cổ đã phát hiện được một số di chỉ khảo cổ mà ở đó chứa đựng một số yếu tố văn hoá vật chất gần gũi với Mai Pha như: bôn tứ giác, gốm có quai ở mép miệng, văn khắc vạch, văn thừng mịn, chân đế thấp có lỗ, gốm tô màu hồng... Khi so sánh gốm Mai Pha với các văn hoá ở ven biển Quảng Đông và Hồng Kông, Finn. D. J. đã nhận thấy có sự gần gũi đáng ngạc nhiên về hình dáng, chất liệu và trang trí của đồ đựng bằng gốm tô màu ở Hồng Kông với gốm Mai Pha¹⁰. Tại các di chỉ Thâm Loan, Đồng Cổ, Lo Sho Shing, đặc biệt là di chỉ Đại Loan, rìu bôn tứ giác rất giống với di chỉ Mai Pha. Tuy nhiên sự khác nhau dễ nhận thấy ở đây là số lượng rìu bôn có vai có nấc ở Lamma Hồng Kông nhiều hơn rìu tứ giác, trong khi ở Mai Pha thì ngược lại. Điều này cho thấy giữa cư dân Mai Pha với cư dân ven biển Hồng Kông có mối quan hệ nhất định với nhau.

Qua nghiên cứu của chúng tôi thì khác với văn hoá Phùng Nguyên và văn hoá Mai Pha ở miền Bắc nước ta, ở Quảng Đông và Hồng Kông không có di chỉ nào mà rìu bôn tứ giác chiếm đa số. Trong một số địa điểm ở Hồng Kông, rìu bôn tứ giác chiếm tỷ lệ không lớn bên cạnh rìu bôn có vai, có nấc. Rìu bôn tứ giác là một đặc trưng nổi trội của văn hoá hậu kỳ đá mới Bắc Việt Nam. Chúng tôi cho rằng, rìu bôn tứ giác có nguồn gốc từ rìu mài văn hoá Bắc Sơn, có ảnh hưởng trực tiếp đến văn hoá Mai Pha, và đến khu vực duyên hải đông nam Trung Quốc.

5. Vào giai đoạn hậu kỳ đá mới, ở vùng phía nam tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc hình thành một khu vực phân bố hàng loạt di tích khảo cổ mà đặc trưng văn hoá nổi bật là những chiếc xẻng đá lớn. Các nhà khảo cổ học Trung Quốc định danh cho chúng là những di chỉ xẻng đá lớn hoặc “văn hoá xẻng đá lớn”. Về nội dung của nền văn hoá này, chúng tôi đã trình bày ở phần trên.

Cho đến nay, tài liệu khảo cổ học Việt Nam đã ghi nhận được 37 trường hợp tìm thấy loại di vật xẻng đá tìm thấy ở 7 tỉnh vùng núi phía bắc và khu vực duyên hải đông bắc Việt Nam:

- Quảng Ninh (huyện Cẩm Phả, huyện Vân Đồn, huyện Đông Triều, thành phố Hạ Long): 11 chiếc

- Lạng Sơn (huyện Lộc Bình): 5 chiếc

- Tuyên Quang (huyện Nà Hang): 5 chiếc

- Cao Bằng (huyện Trà Lĩnh, huyện Hoà An): 6 chiếc

- Bắc Kạn (thị xã Bắc Kạn): 2 chiếc

- Bắc Giang (huyện Yên Thế, huyện Lạng Giang): 7 chiếc

- Hải Phòng (đảo Cát Bà): 1 chiếc.

Điều đáng chú ý là địa bàn phát hiện những chiếc xẻng đá này nằm trong khu vực phân bố của văn hoá Hạ Long, văn hoá Mai Pha, văn hoá Hà Giang và cũng là địa bàn sinh tồn chủ yếu của các nhóm cư dân Tày - Nùng cổ. Tại khu vực duyên hải đông bắc, hầu hết các địa điểm phát hiện xẻng đá đều gần đường bờ biển. Đây là một đặc điểm phân bố cần ghi nhận.

Không có xẻng đá nào được tìm thấy trong quá trình khảo sát hay khai quật khảo cổ học do các nhà chuyên môn tiến hành. Thường thì chúng được phát hiện ở độ sâu trên dưới 1m, và không có các di vật khác kèm theo. Riêng chiếc xẻng đá ở hang Eo Bùa là do những công nhân phát hiện được khi đào phân dơi trong hang cùng với những công cụ ghè đẽo, mài lưỡi kiểu Bắc Sơn muộn. Hầu hết các xẻng đá được tìm thấy trong tình trạng tầng vị không rõ ràng. Đáng chú ý là những chiếc xẻng ở Lộc Bình (Lạng Sơn), được sưu lượm cùng với một số tiền đồng (chưa rõ niên đại), 5 chiếc xẻng đá ở Nà Hang (Tuyên Quang), tìm được trong tình trạng xếp cụm lại dưới độ sâu 60cm, không có di vật khác kèm theo. Hiện tượng này cũng giống ở địa điểm Đại Long Đàm (Quảng Tây).

Những chiếc xẻng đá lớn ở Việt Nam về kiểu dáng, chất liệu đá, kích thước và kỹ thuật chế tác hoàn toàn giống với những xẻng đá lớn ở Quảng Tây, Trung Quốc¹¹.

Đối chiếu 37 chiếc xẻng tìm thấy ở các địa phương nói trên với bảng phân loại xẻng đá vùng Quế Nam cho thấy chúng tương ứng với loại hình II và III. Có một số chiếc do gãy ở phần thân cho nên có thể xếp vào loại II hay III. Chưa tìm thấy xẻng loại I.

Một trong những vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu là nguồn gốc, xuất xứ của những chiếc xẻng đá này.

Cho đến nay, tại vùng ven biển đông bắc đã có gần 20 di tích tiền sử thuộc văn hoá Hạ Long và Tiên Đông Sơn đã được khai quật hoặc đào thám sát, nhưng cũng không tìm thấy di vật xẻng đá nào dù chỉ là mảnh vỡ. Trong thời gian gần đây, các nhà khảo cổ học đã phát hiện và khai quật 2 di chỉ xưởng thuộc văn hoá

Hạ Long tại vùng này. Đó là di tích Bãi Bền ở đảo Cát Bà và di tích Ba Vững ở đảo Cái Bàu. Ngoài số lượng vô cùng phong phú những mũi khoan và mũi nhọn có kích cỡ nhỏ ra, chúng ta cũng chưa được rõ sản phẩm chủ yếu của những di chỉ xưởng này là gì. Nhưng có một điều chắc chắn là chúng không liên quan gì đến những chiếc xẻng đá mà ta đang đề cập đến.

Tại khu vực miền núi phía bắc Việt Nam, tình hình cũng tương tự như vùng ven biển đông bắc.

Theo các công trình nghiên cứu cho biết đến nay, trong các công xưởng chế tác đá hậu kỳ đá mới và sơ kỳ kim khí ở Việt Nam chưa tìm thấy những phác vật hoặc chế phẩm có kiểu dáng như vậy. Do vậy các nhà khảo cổ học Việt Nam đều thống nhất ý kiến khi cho rằng, những chiếc xẻng đá tìm thấy ở vùng núi và ven biển phía bắc Việt Nam là sản phẩm của sự giao lưu trao đổi giữa các nhóm cư dân hậu kỳ đá mới - sơ kỳ kim khí Bắc Việt Nam với cư dân đương thời ở Quảng Tây. Văn hoá xẻng đá lớn Quảng Tây có ảnh hưởng nhất định đến các cư dân cổ vùng lân cận, trong đó có Bắc Việt Nam.

Do vị trí địa lý tự nhiên, có thể có nhiều đợt tiếp xúc nhiều chiều giữa chủ nhân văn hoá xẻng đá Quế Nam với cư dân văn hoá Hạ Long chủ yếu thông qua đường biển, với cư dân văn hoá Mai Pha (Lạng Sơn) qua đường sông Kỳ Cùng, với cư dân văn hoá Hà Giang qua đường sông Bằng, sông Gâm.

Xuất phát từ cách nhìn nhận khu vực nam Trung Quốc và vùng phía bắc Việt Nam là một khu vực lịch sử văn hoá có nhiều quan hệ tương đồng, rõ ràng mối quan hệ văn hoá giữa cư dân tiền sử Bắc Việt Nam và các cư dân khác ở vùng Nam Trung Quốc là không thể phủ nhận được. Bên cạnh những yếu tố văn hoá như các loại rìu bôn có vai có nấc, rìu một vai, thì với sự hiện diện của những chiếc xẻng đá ở đây càng khẳng định trong thời tiền sử, có sự giao lưu trao đổi trong nội bộ giữa các nhóm cư dân Lạc Việt Bắc Việt Nam với cư dân Lạc Việt cổ vùng nam Quảng Tây.

6. Vào giai đoạn hậu kỳ đá mới, tại vùng ven biển đông nam Trung Quốc tồn tại một hệ thống văn hoá mà đặc trưng là gốm văn in, với những chiếc rìu, bôn đá có vai và bôn đá có nấc¹². Theo nhiều nhà nghiên cứu, thì những văn hoá ở vùng biển đông nam Trung Quốc có quan hệ rất chặt chẽ với văn hoá Hạ Long ở vùng duyên hải đông bắc Việt Nam.

* Cho đến nay, đã có khoảng 37 địa điểm văn hoá Hạ Long được phát hiện ở vùng đồng bằng ven biển và đảo ven bờ của tỉnh Quảng Ninh và một phần Hải Phòng (vùng vịnh Bái Tử Long và Hạ Long).

Trong các di chỉ này, trong tầng chứa vỏ ốc, vỏ sò nước ngọt và nước mặn, các nhà khảo cổ đã phát hiện ra những công cụ đá mài lưỡi, mài toàn thân, bàn

mài có đặc trưng “dấu Hạ Long” và đồ gốm xốp. Song đặc trưng nổi bật nhất của công cụ là sự tồn tại phổ biến của rìu, bôn có nấc có vai và không vai. Đây là loại rìu, bôn mà vai rất xuôi, nấc là một gờ cong ngay rìa mặt phẳng mài sát từ lưỡi. Trong các di tích hậu kỳ đá mới ở vùng ven biển Quảng Đông, Phúc Kiến loại bôn có vai có nấc phát hiện được với khối lượng lớn. Người ta đã tìm thấy dấu vết công xưởng chế tác công cụ này ở một số nơi¹³. Có thể nói, những chiếc rìu bôn có vai có nấc là tài sản văn hoá chung của cả cư dân vùng ven biển Quảng Đông - vịnh Bắc Bộ.

Trong văn hoá Hạ Long còn có một số lượng nhất định loại bôn có nấc, không vai thân dày (stepped adze). Trước đây, có ý kiến cho rằng bôn có nấc có nguồn gốc ở vùng Bắc Bộ Việt Nam, sau đó phát tán ra lên vùng Hoa Nam, Hoa Trung, và Đài Loan. Và từ Đài Loan phát tán xuống Philippine và các đảo Polynesia. Sau này, qua khối lượng đồ sộ các phát hiện bôn có nấc ở vùng tam giác châu Chu Giang, Đài Loan và Philippine, các học giả đã nhận định quê hương buổi đầu của bôn có nấc là vùng đông nam Trung Quốc mà cái lõi là vùng Quảng Đông¹⁴. Những chiếc bôn có nấc thân dày ở Hạ Long tìm thấy với số lượng không nhiều, chúng là kết quả của việc giao lưu trao đổi với cư dân ven biển Quảng Đông.

Đồ gốm Hạ Long là loại gốm xốp tương đối thô, mềm, có độ nung thấp, dễ vỡ. Chúng làm bằng đất sét pha nhiều vụn vỏ nhuyễn thể. Trong các loại hoa văn trang trí gốm phải kể đến văn thừng, văn khắc vạch, cùng với nó là việc trang trí bằng hoa văn đắp thêm, hoa văn khắc vạch kết hợp trở lổ ở chân đế, một số ít là loại văn in rìa vỏ sò, hoặc mép vỏ sò. Tuy số lượng gốm có hoa văn trang trí chiếm số lượng ít, nhưng hoa văn sóng nước trên nền thừng, hoa văn đắp nổi thành dải đai, hoa văn trở thừng lổ ở đế là những hoa văn rất đặc trưng của gốm Hạ Long.

Những mảnh gốm mang đặc trưng tương tự gốm Hạ Long đã được tìm thấy ở nhiều di tích đá mới hậu kỳ ở Quảng Đông. Đó là di chỉ Trần Kiều ở Triều An. Đồ đá ở đây cũng giống đồ đá ở di chỉ Thoi Giếng¹⁵. Tại di chỉ Hải Phong cách Triều An không xa, vào những năm 30 (thế kỷ XX), linh mục F. R. Maglioni đã phát hiện được vô số đồ gốm có đặc trưng gốm Hạ Long. Đó là sự có mặt của gốm trang trí văn thừng kết hợp khắc vạch giản đơn ở chân đế và hoa văn đắp thêm ở gần vai đồ gốm.

Tại các di chỉ Bát Giáp Thôn, Phượng Ty Đầu (Đài Loan) cũng tìm thấy một số gốm có đặc trưng Hạ Long. Sự có mặt của gốm Hạ Long tại các địa điểm trên cho thấy mối quan hệ rộng rãi, nhiều chiều của cư dân Hạ Long tiền sử.

Ở đây cũng cần nói thêm là khi đề cập đến khảo cổ học giai đoạn đá mới vùng đông nam Trung Quốc và Đài Loan, các nhà khảo cổ thường gắn với vấn đề nguồn gốc của người Nam Đảo (Austronesian).

Lúc đầu dựa vào những tài liệu về ngôn ngữ học, dân tộc học và khảo cổ học, nhà học giả người Áo Heine - Geldern R. Von cho rằng chủ nhân văn hoá bôn tứ giác ở nam Trung Quốc là người Nam Đảo gốc. Từ đây họ di cư xuống lục địa Đông Nam Á đến bán đảo Mã Lai, qua đảo Sumatra vào Java, sang những đảo phía đông Indonesia, rồi ra vùng Đa Đảo ở Thái Bình Dương. Khi đến miền trung Indonesia, một nhánh tách lên phía bắc vào Philippine và Đài Loan, một nhánh nhỏ lên Nhật Bản¹⁶.

Nhà khảo cổ Trương Quang Trực cho rằng Đài Loan là quê hương đầu tiên của những tộc người nói tiếng Nam Đảo, mà chứng tích vật chất của họ được thể hiện rõ nét qua văn hoá Đại Phân Khanh. Từ Đài Loan, văn hoá của người Nam Đảo di chuyển về phía tây vào lục địa đông nam Trung Quốc và xuôi phía nam qua Philippine đến quần đảo Đông Nam Á và các đảo nhỏ khác thuộc châu Đại Dương¹⁷.

Đến nay quan điểm khá phổ biến là khu vực Hoa Nam, đặc biệt vùng ven biển, là quê hương buổi đầu của những cư dân nói ngữ hệ Nam Đảo¹⁸. Theo P. Bellwood thì chính sự phát minh và phát tán nông nghiệp của cư dân Nam Đảo ở nam Trung Quốc là động lực thúc đẩy sự lan toả của hệ ngôn ngữ Nam Đảo¹⁹. Chiếm lĩnh khu vực dọc ven biển khiến cư dân Nam Đảo rất thành thạo nghề đi biển và sớm làm chủ trên biển.

Theo một số tác giả, vùng đông bắc Việt Nam nằm trong khu vực hình thành ngôn ngữ Nam Đảo. Đã có ý kiến cho chủ nhân văn hoá Hạ Long thuộc nhóm ngôn ngữ Nam Đảo. Theo ý kiến của chúng tôi, Hạ Long là một văn hoá đa hợp, có yếu tố Nam Á (Austroasiatic) và yếu tố Nam Đảo (Austronesian), nhưng yếu tố Nam Đảo rất đậm nét.

* Bên cạnh các loại rìu bôn có vai có nấc và đồ gốm còn có một số yếu tố văn hoá khác thể hiện rõ hơn mối quan hệ văn hoá giữa cư dân Hạ Long và cư dân nam Trung Quốc.

Trong di sản văn hoá của người Hạ Long cổ, có loại hình di vật “dấu Hạ Long” rất phổ biến và đặc trưng. “Dấu Hạ Long” là loại di vật đặc trưng tạo thành dấu ấn văn hoá Hạ Long. Đó là những bàn mài mà dấu vết sử dụng trên loại di vật này khá rõ nét và độc đáo, những vết mài nhỏ dài hình lòng máng có khi song song với nhau, có khi cắt nhau.

Tại di chỉ Phật Tử Miếu, huyện Nam Hải, Quảng Đông, các nhà khai quật đã tìm thấy 4 bàn rãnh ở lớp 7 trong trật tự địa tầng của di chỉ. Cả 4 chiếc đều được chế tác từ đá sa thạch, và mang đặc trưng “dấu Hạ Long”. Theo các đồng nghiệp Trung Quốc cho biết, Phật Tử Miếu là một di chỉ xưởng chế tác đá nằm trong quần thể di chỉ ở Tây Tiều Sơn. Dựa vào việc phân tích, so sánh các di vật ở đây với các địa điểm khác, các nhà khảo cổ học Trung Quốc xếp lớp 7 di chỉ Phật Tử Miếu vào khung niên đại có giới hạn sớm nhất thuộc giai đoạn sớm của hậu kỳ đá mới, giới

hạn muộn nhất thuộc thời kỳ Thương Chu ở vùng Trung Nguyên (từ 5000 đến 3500 năm cách ngày nay)²⁰.

Tại di chỉ vịnh Hậu Sa thuộc đảo Kỳ Úc, thành phố Châu Giang, các nhà khai quật đã tìm thấy rất nhiều bàn mài Hạ Long cùng nhiều hòn kê có dấu lõm ở hai mặt đối diện kiểu Hạ Long²¹.

Trên đảo Lamma thuộc Hồng Kông cũng có thông báo tìm thấy dấu Hạ Long cùng tập hợp rìu bôn có vai, có nấc.

* Ở địa điểm Cái Bèo, trong lớp văn hoá Hạ Long đã phát hiện được loại rìu một vai khá phổ biến trong các di tích đá mới muộn ở Quảng Tây. Cho tới nay, tại vùng duyên hải tỉnh Quảng Đông, nơi phổ biến những chiếc rìu, bôn có vai có nấc cũng rất ít gặp những chiếc rìu một vai. Trong khi đó, tại khu vực Quảng Tây, là nơi ít phổ biến hơn những chiếc rìu, bôn có vai có nấc lại xuất hiện khá nhiều rìu một vai. Theo tài liệu hiện có, rìu một vai ra đời vào khoảng đầu thời đại đá mới. Mặc dù không phổ biến như rìu hai vai, nhưng rìu một vai cũng có một quá trình phát triển từ sớm đến muộn.

Cho đến nay, người ta đã tìm thấy 56 tiêu bản loại này, khá tập trung ở khu vực Nam Ninh. Trong số di chỉ phát hiện được rìu một vai, đáng chú ý hơn cả là di chỉ cồn sò Tây Tân (huyện Hoàn) và di chỉ Bác Lãng nằm ở thềm bậc II bờ tây sông Hữu (huyện Long An)²².

Tại di chỉ Tây Tân đã phát hiện được một khối lượng phong phú di vật bao gồm đồ đá, đồ gốm, đồ xương và công cụ vỏ sò. Trong số đồ đá, đáng chú ý là có 104 rìu được mài hạn chế ở phần lưỡi, trong đó có 25 rìu có một vai và 79 rìu hai vai.

Ở địa điểm Bác Lãng đã tìm thấy 18 rìu một vai trong tổng số 66 rìu. Khi so sánh rìu Cái Bèo với rìu Tây Tân và Bác Lãng ta thấy rìu Tây Tân, Bác Lãng cổ sơ hơn nhiều, thể hiện trên thân rìu còn giữ phần lớn dấu vết ghè đẽo, trong khi rìu Cái Bèo đã được mài nhẵn toàn thân.

Sự có mặt loại rìu một vai trong lớp văn hoá Hạ Long ở di chỉ Cái Bèo đã xác nhận mối quan hệ trao đổi giữa cư dân Hạ Long với cư dân vùng Nam Ninh, Quảng Tây.

* Cho đến nay, tài liệu khảo cổ học Việt Nam đã ghi nhận 12 xẻng đá tìm thấy ở các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng. Tình trạng phát hiện những chiếc xẻng đá này khá giống nhau, đều trong điều kiện tầng vị không rõ ràng, và không có di vật khác kèm theo. Đáng chú ý là những địa điểm phát hiện thấy di vật xẻng đá đều nằm trong phạm vi phân bố của văn hoá Hạ Long xung quanh đường biển Vịnh Hạ Long và Bái Tử Long.

Những chiếc xẻng tìm thấy ở miền duyên hải Đông Bắc tương ứng với xẻng đá Quế Nam loại hình II và III.

Một trong những vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu là nguồn gốc, xuất xứ của những chiếc xẻng đá này.

Theo các công trình nghiên cứu cho biết đến nay, trong các công xưởng chế tác đá hậu kỳ đá mới và sơ kỳ kim khí ở Việt Nam chưa tìm thấy những phác vật hoặc chế phẩm có kiểu dáng như vậy. Do vậy, chúng tôi cho rằng, những chiếc xẻng đá tìm thấy ở vùng văn hoá Hạ Long là sản phẩm của sự giao lưu trao đổi. Do vị trí địa lý tự nhiên, có thể có nhiều đợt tiếp xúc nhiều chiều giữa chủ nhân văn hoá xẻng đá Quế Nam với cư dân văn hoá Hạ Long chủ yếu thông qua đường biển, thứ đến là thông qua con đường trên đất liền từ vùng Lạng Sơn sang.

Chúng ta còn có thể thấy rõ những yếu tố văn hoá của cư dân Hạ Long hiện diện ở nhiều nơi trên đất Trung Quốc. Và ngược lại chúng ta cũng nhận thấy nhiều yếu tố văn hoá nam Trung Quốc được tiếp nhận trong văn hoá Hạ Long. Đó là kết quả tất yếu của phương thức giao lưu, trao đổi của cư dân Hạ Long với các cư dân cổ khác trong khu vực.

*

* * *

Từ những dữ kiện khảo cổ học như đã trình bày ở trên, chúng tôi muốn làm rõ một điều rất hiển nhiên là, trong suốt thời tiền sử, những cộng đồng cư dân khối Bách Việt cổ Việt Nam và nam Trung Quốc đã có mối quan hệ văn hoá rất chặt chẽ, tuy có sự đậm nhạt khác nhau qua từng giai đoạn lịch sử. Điều này tạo tiền đề tốt cho mối quan hệ văn hoá ngày càng được đẩy mạnh ở những giai đoạn sau.

CHÚ THÍCH

- ¹ Centre of Chinese archaeology and arts, ICS the Chinese University of Hong Kong, *Ancient culture of Southeast China and neighbouring regions*, The Chinese University of Hong Kong Press, 1994.
Chang K. C, *The archaeology of ancient China*, Fourth Edition New Haven and London, 1986.
Dương Thức Đĩnh, 1986, "Thảo luận sâu hơn về văn hoá thời đại đá mới Quảng Đông và vấn đề liên quan". *Nghiên cứu tiền sử* (1 - 2), 1986; 62-83 (Chữ Trung Quốc).
- ² Hà Hữu Nga – Nguyễn Văn Hào, *Hạ Long tiền sử*, NXB Thế giới, Hà Nội, 1998.
- ³ Tường Đình Du – Bành Thư Lâm, "Nghiên cứu xẻng đá lớn ở Quế Nam", *Văn vật Phương Nam*, kỳ 1, 1992. (Chữ Trung Quốc)
- ⁴ Trình Năng Chung, *Rìu một vai ở di chỉ Cái Bèo (đông bắc Việt Nam) và khu vực Nam Ninh, Quảng Tây (Trung Quốc)*, *Những phát hiện mới về khảo cổ học 1994*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1994, tr.58 – 59; "Văn hoá xẻng đá lớn ở Quảng Tây Trung Quốc và mối quan hệ với Bắc Việt Nam", *Khảo cổ học*, số 2, 1997, tr.85 - 92; "Mối quan hệ văn hoá tiền sử giữa Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc", trong *Một thế kỷ Khảo cổ học Việt Nam*, tập 1, NXB Khoa

- học
Xã hội, Hà Nội, 2004, tr.83 - 103.
- 5 Hà Văn Tấn – Bùi Vinh và Võ Quý, “Dấu hiệu của một văn hoá khảo cổ mới ở Hà Tuyên”. *Khảo cổ học*, số 1- 2, 1990, tr.34 - 37.
 - 6 Dương Giới, *Đồ đá phát hiện ở Mãnh Lạp, Tây Song, Vân Nam*, Khảo cổ, kỳ 6. 1963. (Chữ Trung Quốc)
 - 7 Hoàng Xuân Chinh – Nguyễn Ngọc Bích, *Di chỉ Khảo cổ học Phùng Nguyên*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978.
 - 8 Nitta Eiji – Bronze Triangle. *Its origin and Development. Historical Science Reports*, Kagoshima University, Vol 33, 1986, pp. 17 - 40.
 - 9 Nguyễn Cường, *Văn hoá Mai Pha*, Sở Văn hoá Thông tin Lạng Sơn, 2002.
 - 10 Hà Hữu Nga – Nguyễn Văn Hào, *Hạ Long tiền sử*, sđd, 1998.
 - 11 Trình Năng Chung, “Văn hoá xèng đá lớn ở Quảng Tây Trung Quốc và mối quan hệ với Bắc Việt Nam”. *Khảo cổ học*, số 2, 1997, tr.85-92; “Những xèng đá lớn vùng ven biển đông bắc Việt Nam - Tư liệu và nhận thức”, *Khảo cổ học*, số 3, 2005, tr.66 - 73.
 - 12 Dương Thức Đĩnh, “Thảo luận sâu hơn về văn hoá thời đại đá mới Quảng Đông và vấn đề liên quan”, *Nghiên cứu tiền sử* (1 - 2). 1986 , 62 - 83 (Chữ Trung Quốc); *Sở nghiên cứu khảo cổ văn vật Quảng Đông, Năm mươi năm khảo cổ Quảng Đông*, Văn vật xuất bản xã, 1999. (Chữ Trung Quốc).
 - 13 Dương Thức Đĩnh, “Thảo luận sâu hơn về văn hoá thời đại đá mới Quảng Đông và vấn đề liên quan”, *Nghiên cứu tiền sử* (1 - 2). 1986 , 62 - 83 (chữ Trung Quốc)
 - 14 Hà Hữu Nga – Nguyễn Văn Hào, *Hạ Long tiền sử*. sđd, 1998.
 - 15 *Sở nghiên cứu khảo cổ văn vật Quảng Đông, Năm mươi năm khảo cổ Quảng Đông*, Văn vật xuất bản xã, 1999. (Chữ Trung Quốc).
 - 16 Heine - Geldern – R. Von, *Urheimat und fruhesten Wanderungen der Austronesier*, Anthropos, 27, 1932, pp. 543 - 619.
 - 17 Chang K. C, *The archaeology of ancient China*, sđd.
 - 18 Ngô Xuân Minh, “Khởi nguồn của ngữ tộc Nam Đảo và khảo cổ học dân tộc Hoa Nam”, *Nghiên cứu Khảo cổ Đông Nam*, Hà Môn Đại học xuất bản xã, 2003. (chữ Trung Quốc)
 - 19 Bellwood. P, “The origins and dispersals of agricultural communities in Southeast Asia”. In *Southeast Asia from prehistory to history*, Routledge Cuzon, London and New York, 2004, pp. 21 - 40.
 - 20 *Sở nghiên cứu khảo cổ văn vật Quảng Đông, Năm mươi năm khảo cổ Quảng Đông*, Văn vật xuất bản xã, 1999. (chữ Trung Quốc).
 - 21 *Sở nghiên cứu khảo cổ văn vật Quảng Đông, Khai quật di chỉ Hậu Sa Loan ở đảo Kỳ Áo, Phát hiện và nghiên cứu khảo cổ học Châu Hải*, Quảng Đông nhân dân xuất bản xã, 1991, tr.3 - 21. (chữ Trung Quốc).
 - 22 Bành Thư Lâm – Tường Đình Du, “Thư bàn về đồ đá có vai ở Quảng Tây”, trong *Tập luận văn kỷ niệm 30 năm phát hiện di chỉ hang Hoàng Nham Động*, Quảng Đông, 1991, tr.181 - 197. (chữ Trung Quốc).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bành Thư Lâm – Trương Đình Du, "Thủ bản về đồ đá có vai ở Quảng Tây", trong *Tập luận văn kỷ niệm 30 năm phát hiện di chỉ hang Hoàng Nham Động, Quảng Đông*, 1991, 181- 197. (chữ Trung Quốc).
2. Bellwood. P, *The origins and dispersals of agricultural communities in Southeast Asia. In Southeast Asia from prehistory to history*, Routledge Cuzon, London and New York. 2004, pp. 21 - 40.
3. Centre of Chinese archaeology and arts, ICS the Chinese University of Hong Kong, *Ancient culture of Southeast China and neighbouring regions*, The Chinese University of Hong Kong Press, 1994.
4. Chang K. C, *The archaeology of ancient China*, Fourth Edition New Haven and London, 1986,
5. Dương Giới, "Đồ đá phát hiện ở Mảnh Lạp, Tây Song, Vân Nam", *Khảo cổ, kỳ 6*. 1963. (chữ Trung Quốc)
6. Dương Thức Đĩnh, "Thảo luận sâu hơn về văn hoá thời đại đá mới Quảng Đông và vấn đề liên quan", *Nghiên cứu tiền sử* (1 - 2), 1986, 62 - 83 (chữ Trung Quốc)
7. Finn. D.J, *Archaeological finds on Lamma island Hong Kong*, 1958, Ricci (first published in 1933)
8. Hà Hữu Nga – Nguyễn Văn Hào, *Hạ Long tiền sử*. NXB Thế giới, 1998.
9. Hà Văn Tấn – Bùi Vinh và Võ Quý: "Dấu hiệu của một văn hoá khảo cổ mới ở Hà Tuyên", tạp chí *Khảo cổ học*, 1990, số 1- 2, tr.34 - 37.
10. Heine-Geldern – R.Von. *Urheimat und fruhesten Wanderungen der Austronesier*. *Anthropos*, 27, 1932, pp. 543 - 619.
11. Hoàng Xuân Chinh – Nguyễn Ngọc Bích, *Di chỉ Khảo cổ học Phùng Nguyên*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978.
12. Nitta Eiji – Bronze Triangle, "Its origin and Development". *Historical Science Reports*, Kagoshima University. Vol 33, 1986, pp. 17 - 40.
13. Nguyễn Cường, *Văn hoá Mai Pha*, Sở Văn hoá – Thông tin Lạng Sơn, 2002.
14. Ngô Xuân Minh, "Khởi nguồn của ngữ tộc Nam Đảo và khảo cổ học dân tộc Hoa Nam", *Nghiên cứu Khảo cổ Đông Nam*, Hà Môn Đại học xuất bản xã, 2003. (chữ Trung Quốc)
15. Olsen John and Sari Miller Antonio, "The Palaeolithic in Southern China", *Asian perspectives*, Vol 31, N° 2, pp. 129 – 160.
16. Patte. E, *Le Kjekkenmodding néolithique de Bau Tro à Tam toa près Dong Hoi (Annam)*. *Bulletin L'ecole Francaise d' Extreme-Orient*, XXIV, 3 - 4, Hanoi, 1925, 521 - 561.

17. Sở nghiên cứu khảo cổ văn vật Quảng Đông, *Khai quật di chỉ Hậu Sa Loan ở đảo Kỳ Áo*, Phát hiện và nghiên cứu khảo cổ học Châu Hải, Quảng Đông nhân dân xuất bản xã, 1991, 3 - 21. (chữ Trung Quốc).
18. Sở nghiên cứu khảo cổ văn vật Quảng Đông, *Năm mươi năm khảo cổ Quảng Đông*. Văn vật xuất bản xã, 1999. (chữ Trung Quốc).
19. Sở nghiên cứu khảo cổ văn vật Quảng Đông, "Nhìn lại một thế kỷ khảo cổ học Quảng Đông", *Khảo cổ*, kỳ 6, 2000, 1 - 10. (chữ Trung Quốc).
20. Tạ Quang Mậu – Tạ Nhật Vạn, *Đồ đá cũ phát hiện được ở khu vực thượng du sông Tả Giang*, Quảng Tây Văn vật, (1) 1992. (chữ Trung Quốc).
21. Trình Năng Chung, *Rìu một vai ở di chỉ Cái Bèo (đông bắc Việt Nam) và khu vực Nam Ninh, Quảng Tây (Trung Quốc)*, *Những phát hiện mới về khảo cổ học*, NXB Khoa học Xã hội, 1994, tr.58 – 59.
22. Trình Năng Chung, "Văn hoá xeng đá lớn ở Quảng Tây Trung Quốc và mối quan hệ với Bắc Việt Nam", *Khảo cổ học*, số 2, 1997, tr.85 - 92.
23. Trình Năng Chung, "Mối quan hệ văn hoá tiền sử giữa Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc", trong *Một thế kỷ Khảo cổ học Việt Nam*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, 2004, tr.83 - 103.
24. Trình Năng Chung, "Những xeng đá lớn vùng ven biển đông bắc Việt Nam - Tư liệu và nhận thức", *Khảo cổ học*, số 3, 2005, tr.66 - 73.
25. Tường Đình Du – Bành Thư Lâm, "Nghiên cứu xeng đá lớn ở Quế Nam", *Văn vật Phương Nam*, kỳ 1, 1992. (chữ Trung Quốc)